

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NINH HẢI  
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 15/4/2021  
V/v: *Ly hôn.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI - TỈNH NINH THUẬN**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huệ.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Trọng Minh và bà Huỳnh Thị Bích Nhung.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Bá Đức - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Đức Thịnh- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 32/2021/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Th, sinh năm: 1965; có mặt.

Địa chỉ: Thôn LC, xã HH, huyện H, tỉnh Ninh Thuận.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1968; Yêu cầu xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn HD, xã HH, huyện H, tỉnh Ninh Thuận.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn ông Nguyễn Th trình bày:* Ông và bà Nguyễn Thị M tự nguyện tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn với nhau ngày 27/9/1993 tại UBND xã HH, huyện H, tỉnh Ninh Thuận và có cưới hỏi theo phong tục. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với gia đình ông tại thôn LC, Hộ Hải, vợ chồng hạnh phúc được khoảng 05-06 tháng thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính tình, thường xuyên cãi nhau nên bà M bỏ về nhà mẹ ruột sống từ năm 1994 cho đến nay. Khi bỏ đi bà M đang có bầu sau đó sinh con tên Nguyễn Thị Trang Đ vào năm 1994. Từ 27 năm nay, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc, không liên lạc với nhau, tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị M.

Con chung là Nguyễn Thị Trang Đ– sinh năm: 1994 hiện nay đã trưởng thành có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết. Tài sản và nợ không yêu cầu giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:* Bà đồng ý với trình bày của ông Th về việc vợ chồng tự nguyện kết hôn cũng như về con chung, tài sản và nợ chung. Theo bà mâu thuẫn vợ chồng xảy ra do ông Th không quan tâm, không tôn trọng bà, đánh đập vợ ngay cả khi bà có bầu nên bà mới bỏ về nhà mẹ sống. Bà xác nhận từ năm 1994 đến nay vợ chồng không còn chung sống với nhau, tình cảm không còn nên ông Th làm đơn ly hôn bà yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Con chung là Nguyễn Thị Trang Đ – sinh năm: 1994 hiện nay đã trưởng thành có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết. Tài sản và nợ không yêu cầu giải quyết.

*Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt và không có gửi văn bản trình bày ý kiến.*

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử luôn tuân theo pháp luật tố tụng và người tham gia tố tụng luôn chấp hành pháp luật. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung:* Mâu thuẫn giữa vợ chồng ông Nguyễn Th và bà Nguyễn Thị M hiện nay đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 1994 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Th.

Về con chung: Đã trưởng thành và lao động tự túc được nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa.*

*Căn cứ kết quả xét hỏi công khai và nghe ý kiến trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa.*

*Sau khi Hội đồng xét xử nghị án.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

*Quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:* Ông Nguyễn Th yêu cầu ly hôn đối với bà Nguyễn Thị M, bị đơn có nơi cư trú ở huyện Ninh Hải. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

*Tổng đạt văn bản tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự. Về tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ các đương sự không có ý kiến gì. Bị đơn bà Nguyễn Thị M có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt (BL 21). Theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

*Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn Th và bà Nguyễn Thị M tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HH, huyện H, tỉnh Ninh Thuận vào ngày 27/9/1993 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do không hợp tính tình, không tôn trọng nhau, thường xuyên cãi nhau và đã sống mỗi người một nơi, không quan tâm chăm sóc nhau từ 27 năm nay. Hiện nay ông Th không còn tình cảm với bà M nên yêu cầu được ly hôn.

Theo Ban quản lý thôn nơi cư trú của bà M (thôn HD) và ông Th (thôn LC) xác nhận thì vợ chồng ông Th - bà M đã không chung sống, không quan tâm chăm sóc nhau và mỗi người sống một thôn. (BL: 19, 24).

Xét thấy: Từ hơn 20 năm nay ông Th và bà M không chung sống với nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Mâu thuẫn giữa ông Th, bà M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Th được ly hôn bà M.

*Về con chung:* Đã trưởng thành và lao động tự túc được nên không xem xét, giải quyết.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận toàn bộ ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa.

[4] Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Th phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ vào:** Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Th đối với bị đơn bà Nguyễn Thị M.

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Th được ly hôn với bà Nguyễn Thị M.

2. Về con chung: Đã trưởng thành và lao động tự túc được nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Th phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã

nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai số 0024512 ngày 12/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải. Ông Th đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm có mặt nguyên đơn quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/4/2021); Riêng bị đơn vắng mặt quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Hải;
- Chi cục THADS huyện Ninh Hải;
- UBND xã HH;
- Lưu (hồ sơ, án văn);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Huế**